|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC GIANG**  Số: /KH-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bắc Giang, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO**

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình củng cố, phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số và Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Thực hiện Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số; Quyết định số 520/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021-2030;

Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số và Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII) về công tác dân số trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW;

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số;

- Quyết định số 520/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 4157/QĐ-BYT ngày 28/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình Củng cố và phát triển hệ thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030;

- Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017, Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 2327/KH-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Bắc Giang thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

**2. Căn cứ thực tiễn**

Trong những năm qua, tỉnh Bắc Giang luôn bám sát các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương, đánh giá sát tình hình thực tế địa phương để quyết liệt triển khai, thực hiện các chính sách, giải pháp về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ). Trong đó, có việc tạo lập hệ thống thông tin thống kê và duy trì hoạt động của kho dữ liệu dân cư điện tử chuyên ngành dân số. Từ năm 1994, ngành dân số đã từ bước tổ chức, quản lý công tác thu thập, xử lý, khai thác thông tin, số liệu về dân số thống nhất từ trung ương đến địa phương thông qua hệ thống báo cáo thủ công. Năm 2003 là năm đầu tiên Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em triển khai xây dựng kho dữ liệu dân cư điện tử, trải qua nhiều khó khăn, đến nay cơ sở dữ liệu đã dần đi vào hoàn thiện và đang được Sở Y tế (Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) quản lý, vận hành. Thông tin trong kho dữ liệu dân cư điện tử có đến từng cá nhân, từng hộ gia đình với biến động dân cư được cập nhật hàng tháng. Đây là cơ sở dữ liệu cơ bản về dân cư phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, đánh giá tác động của chính sách dân số trên địa bàn. Ngoài ra, kho dữ liệu dân cư cũng cung cấp số liệu cho các cấp, các ngành quản lý các lĩnh vực liên quan đến dân số trong việc đánh giá, hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm, đặc biệt là hỗ trợ in 100% thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi năm 2006, cung cấp thông tin cơ sở để lập hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân điện tử...

Bên cạnh đó, mô hình tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Hiện nay, các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến huyện được sáp nhập thành Trung tâm Y tế, cán bộ dân số xã trở thành viên chức Trạm Y tế, nhân viên y tế, cộng tác viên dân số ở thôn, bản, tổ dân phố thành chức danh nhân viên y tế - dân số. UBND tỉnh đã có quy định về tiêu chuẩn từng chức danh phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình cụ thể của địa phương. Cán bộ dân số là lực lượng nòng cốt, có vai trò quan trọng trong việc thực hiện tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực dân số. Nhân viên y tế - dân số là người đi sâu, đi sát đến từng hộ gia đình, đưa các chính sách dân số - y tế đến với nhân dân, trực tiếp thu thập thông tin, cập nhật số liệu, tình hình biến động dân số - KHHGĐ; chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản; phòng, chống suy dinh dưỡng, các bệnh lây nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục…trên địa bàn để đề xuất giải pháp cụ thể, thiết thực, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dân số và góp phần thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước lĩnh vực y tế - dân số. Xác định rõ nhiệm vụ, vai trò của cán bộ cơ sở, hàng năm cơ quan y tế, dân số các cấp hàng năm đã chỉ đạo, tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, kỹ thuật để nâng cao năng lực cán bộ, quan tâm đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ vào hoạt động quản lý nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghệ số hiện nay.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả thành tựu đã đạt được, hoạt động quản lý hệ thống thông tin dân số cũng như công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số ở cơ sở hiện nay vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức.

Thứ nhất việc khai thác, sử dụng thông tin thống kê dân số, mặc dù kho dữ liệu dân cư điện tử chuyên ngành dân số có nhiều thông tin, được cập nhật tương đối đầy đủ, kịp thời hàng tháng, có thể phục vụ cho công tác quản lý các ngành, lĩnh vực liên quan, song việc khai thác, sử dụng thông tin còn hạn chế, mới chủ yếu để phục vụ nhiệm vụ trong ngành y tế, dân số mà ít được các ngành, đơn vị khác biết và ứng dụng. Do thời gian qua chưa có cơ chế chia sẻ thông tin dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số cho việc lồng ghép yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai về cơ sở vật chất để vận hành kho dữ liệu dân cư điện tử chưa được số hóa, cập nhật trực tuyến tại cấp xã. Hầu hết tuyến xã chưa được trang bị máy tính phục vụ riêng cho việc cập nhật thông tin thống kê biến động về dân số - KHHGĐ. Vì vậy rất khó khăn cho việc cập nhật thông tin dữ liệu điện tử về dân số - KHHGĐ hàng tháng như: Số hộ gia đình, số nhân khẩu thường trú, tạm trú, tạm vắng, số sinh, số chết, kết hôn, ly hôn, chuyển đi, chuyển đến, số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ 15-49 áp dụng các biện pháp tránh thai...vào kho dữ liệu điện tử để phục vụ cho việc quản lý, khai thác sử dụng thông tin, cũng như việc phát triển hệ thông tin chuyên ngành dân số tại tuyến xã. Đồng thời tạo áp lực, quá tải cho viên chức dân số tuyến huyện trong việc thông kê, cập nhật thông tin biến động dân số vào kho dữ liệu điện tử cấp huyện hàng tháng theo yêu cầu bảo đảm đầy đủ dữ liệu biến động của huyện để kết suất về kho dữ liệu điện tử tuyến tỉnh và toàn quốc theo quy định. Thực tế trong thời gian qua việc báo cáo, cập nhật thông tin, dữ liệu biến động về dân số - KHHGĐ hàng tháng, quý, năm tại huyện đã sảy ra tình trạng chậm, muộn, không đầy đủ, thiếu chính xác ở một số địa phương, cơ sở trong tỉnh, dẫn đến tình trạng kết quả các chỉ tiêu dân số - KHHGĐ tăng, giảm bất thường.

Thứ ba, do quá trình sáp nhập mô hình tổ chức, đội ngũ cán bộ làm công tác dân số có nhiều biến động, đặc biệt là đội ngũ nhân viên y tế - dân số thôn, bản, tổ dân phố. Do đó, một lượng khá lớn cán bộ cơ sở chưa được cập nhật đầy đủ các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ từng lĩnh vực cũng như kỹ năng tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân số, việc thu thập thông tin biến động theo dõi sổ hộ gia đình... Thực tế việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân số các cấp cần được thực hiện thường xuyên, đặc biệt trong giai đoạn chính sách dân số với quan điểm là chuyển trọng tâm từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết. Trong đó công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ; kỹ năng truyền thông, vận động; ứng dụng công nghệ thông tin; việc thu thập thông tin biến động theo dõi sổ hộ gia đình... nhằm từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, nhất là cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác dân số và phát triển trong tình hình mới.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình củng cố, phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số và Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 là rất cần thiết, đây là một trong những giải pháp quan trọng, tiên quyết góp phần thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược về dân số và phát triển đã đề ra đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

**II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Phát triển hệ thống thông tin số liệu dân số theo hướng hiện đại và đồng bộ bảo đảm cung cấp đầy đủ tình hình, dự báo dân số tin cậy phục vụ quản lý nhà nước về dân số góp phần xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các cơ quan, tổ chức góp phần thực hiện thành công mục tiêu Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới và Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng về công tác dân số và phát triển, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và nhân viên y tế - dân số có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân số.

Nâng cao kiến thức, kỹ năng về công tác dân số và phát triển cho đội ngũ cán bộ hoạch định chính sách về dân số, cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và nhân viên y tế - dân số.

Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bao gồm năng lực quản lý, tổ chức, triển khai công tác dân số trong tình hình mới cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp.

**2. Chỉ tiêu cụ thể**

*Chỉ tiêu 1.* 100% kho dữ liệu chuyên ngành dân số cấp tỉnh, huyện được hiện đại hóa, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số và phát triển vào năm 2025, tiếp tục duy trì và mở rộng sau năm 2025.

*Chỉ tiêu 2.* Thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã đạt 90% năm 2025, đạt 100% năm 2030; nhân viên y tế - dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 90% năm 2030.

*Chỉ tiêu 3.* 100% cấp huyện xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số vào năm 2025; đến cấp xã đạt 100% năm 2030.

*Chỉ tiêu 4.* 80% ngành, lĩnh vực, địa phương trên toàn tỉnh sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vào năm 2025; đạt 100% năm 2030.

*Chỉ tiêu 5.* Triển khai khai thác sử dụng các ứng dụng trên thiết bị di động thông minh do các bộ, ngành Trung ương phát triển đáp ứng nhu cầu sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh đạt ít nhất 5 ứng dụng năm 2025; ít nhất 10 ứng dụng năm 2030.

*Chỉ tiêu 6.* Tối thiểu 80% công chức,viên chức dân số làm công tác dân số được bồi dưỡng kiến thức cơ bản về dân số.

*Chỉ tiêu 7.* 100% viên chức làm công tác dân số được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao.

*Chỉ tiêu 8.* 90% nhân viên y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản ở các cơ sở y tế công lập tuyến huyện và xã có kiến thức, kỹ năng cung cấp các dịch vụ dân số và phát triển.

*Chỉ tiêu 9.* 100% lãnh đạo đơn vị y tế tuyến huyện, trưởng ban dân số và lãnh đạo Trạm Y tế xã, phường, thị trấn được cung cấp thông tin về dân số và phát triển.

*Chỉ tiêu 10.* 100% viên chức dân số cấp xã và nhân viên y tế - dân số thôn, bản, tổ dân phố được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về dân số và phát triển.

**III. PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

**1. Phạm vi:** Trên địa bàn toàn tỉnh.

**2.Thời gian:** Giai đoạn 2022-2030

**IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định về chuyên môn, kỹ thuật**

a) Triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Tổng cục Dân số - KHHGĐ và các chính sách liên quan của địa phương. Trong đó quan tâm cập nhật, bổ sung các quy định về kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, vận hành kho dữ liệu dân cư điện tử chuyên ngành dân số.

b) Rà soát, bổ sung cơ chế phối hợp, chia sẻ, khai thác thông tin số liệu dân số và phát triển của các sở, ngành, địa phương.

- Trên cơ sở nhu cầu thông tin về dân số như tổng số hộ, nhân khẩu, độ tuổi, giới tính, tình trạng hôn nhân, số sinh, số chết, chuyển đi, chuyển đến...và các thông tin hiện có trong kho dữ liệu dân cư điện tử chuyên ngành dân số, các sở, ngành, địa phương chủ động xây dựng nội dung dữ liệu cần khai thác và kế hoạch sử dụng thông tin dữ liệu.

- Sở Y tế *(Chi cục Dân số - KHHGĐ và Trung tâm Y tế các huyện, thành phố)* tiếp nhận và cung cấp số liệu để các sở, ngành, địa phương sử dụng vào mục đích phát triển ngành, lĩnh vực liên quan.

##### c)Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số **các cấp đáp ứng yêu cầu chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn.**

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp với mục tiêu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng về công tác dân số, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân số đã được đề ra.

- Hàng năm căn cứ vào nhu cầu, đào tạo, bồi dưỡng tập huấn kiến thức công chức, viên chức và nhân viên y tế - dân số, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động về công tác dân số.

**2. Nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số**

*a) Củng cố, nâng cao chất lượng số liệu*

- Đào tạo, tập huấn kiến thức cho đội ngũ cán bộ dân số các cấp làm công tác thống kê báo cáo, thu thập thông tin ban đầu về dân số - KHHGĐ sau các kỳ thay đổi sổ hộ gia đình và thực hiện tập huấn lại hàng năm cho viên chức cấp xã và nhân viên y tế - dân số mới và yếu. Đảm bảo nhân viên y tế - dân số (là cán bộ thu thập thông tin ban đầu tại địa bàn) bám sát cơ sở, nắm chắc thông tin về dân cư và thu thập, cập nhật, báo cáo thông tin kịp thời, chính xác cũng như lập báo cáo định kỳ đúng quy trình, quy định.

- Viên chức dân số cấp xã chú trọng việc rà soát, chuẩn hóa thông tin thống kê trên địa bàn, đối chiếu dữ liệu của các ngành liên quan để đảm bảo không bỏ sót thông tin, không nhầm lẫn trong thu thập thông tin; phối hợp tích cực với viên chức dân số cấp huyện cập nhật thông tin trực tuyến vào kho dữ liệu dân cư điện tử chuyên ngành dân số hàng tháng theo quy định tại tuyến xã.

- Thực hiện theo chỉ đạo của Tổng cục Dân số - KHHGĐ về thí điểm và mở rộng mô hình cập nhật thông tin trực tuyến tại tuyến xã trên cơ sở kết hợp triển khai hệ thông quản lý thông tin y tế cơ sở trong giai đoạn 2021-2025; thí điểm và phát triển mô hình thu thập, cập nhật thông tin số liệu trực tuyến do nhân viên y tế - dân số thực hiện trên thiết bị di động thông minh trong giai đoạn 2026-2030.

- Đảm bảo hệ thống kho dữ liệu dân cư điện tử chuyên ngành dân số các cấp được duy trì thường xuyên và được nâng cấp theo hướng dẫn của Tổng cục Dân số - KHHGĐ, Bộ Y tế *(dữ liệu dân số là nền tảng của dữ liệu y tế cơ sở, kết nối , liên thông với các cơ sở dữ liệu liên quan thông qua nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu y tế cơ sở của Bộ Y tế…).*

- Trên cơ sở số liệu từ kho dữ liệu dân cư điện tử chuyên ngành dân số, các cấp, các ngành thực hiện phân tích, đánh giá tình hình biến động dân số trong quá khứ và hiện tại. Qua đó, đánh giá các tác động của chính sách đã, đang triển khai, những ảnh hưởng của đời sống xã hội đến sự phát triển của dân số. Xem xét xu hướng biến đổi dân số trong tương lai để dự báo xu hướng biến động về quy mô các nhóm dân số, quy mô nguồn lao động, cơ cấu dân số theo tuổi, giới tính, v.v...Đây là cơ sở để hoạch định, đề xuất chính sách, chiến lược của địa phương đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm về chất lượng thông tin số liệu, việc xây dựng, vận hành, triển khai, khai thác và chia sẻ dữ liệu từ kho dữ liệu chuyên ngành dân số với các sở, ban, ngành và các địa phương.

*b) Nâng cấp cơ sở vật chất*

- Từng bước nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin hiện có, bổ sung trang thiết bị mới đảm bảo mục tiêu số hóa dữ liệu. Cấp huyện đủ điều kiện hạ tầng, trang thiết bị đặt kho dữ liệu. Cấp xã đủ điều kiện về trang thiết bị, môi trường internet để cập nhật thông tin số liệu trực tuyến tại xã, liên thông kho dữ liệu dân cư điện tử chuyên ngành dân số tuyến huyện.

- Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin cấp tỉnh (tại Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) để lưu trữ dữ liệu tập trung tại kho dữ liệu chuyên ngành cấp tỉnh. Kế thừa hạ tầng công nghệ thông tin sẵn có, kết hợp thuê một số dịch vụ trong từng điều kiện cụ thể.

*c) Ứng dụng giải pháp công nghệ*

- Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế, Tổng cục Dân số - KHHGĐ, triển khai các giải pháp khoa học công nghệ mới, các ứng dụng khai thác dữ liệu, dự báo dân số giúp người dùng lọc, khai thác và sử dụng được nhiều thông tin, số liệu hữu ích đáp ứng cơ bản yêu cầu quản lý.

- Kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu của các ngành liên quan; hình thành cổng dữ liệu về dân số. Đây là nguồn số liệu động, đảm bảo tính thời điểm, kịp thời và độ chính xác cao.

- Quản lý và giám sát an toàn thông tin; bảo mật các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

**3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ**

*a) Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về dân số*

- Nghiên cứu đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng về quy mô, cơ cấu, chất lượng, phân bố dân số và thu thập, xử lý, khai thác thông tin dân số, vận hành kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số; các nội dung về dân số và phát triển trong hệ thống nhằm nâng cao nhận thức, tạo nguồn nhân lực chất lượng cho ngành dân số. Lồng ghép với các kế hoạch khác về lĩnh vực dân số và phát triển để đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng.

- Xây dựng các chương trình, tổ chức khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kịp thời cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp quản lý chuyên ngành; kiến thức, phương pháp thực hiện nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và nhân viên y tế - dân số, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trong đó, quan tâm tập huấn sử dụng thiết bị thông minh cho việc thu thập, cập nhật thông tin trực tuyến, các kiến thức, kỹ năng thu thập, cập nhật thông tin cho nhân viên y tế - dân số đặc biệt sau các đợt thay đổi sổ hộ gia đình; kiến thức về lưu trữ, xử lý dữ liệu cho cán bộ thống kê dân số, cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện, xã.

- Từng bước chuẩn hóa trình độ chuyên môn của đội ngũ công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và nhân viên y tế - dân số.

- Khuyến khích tự học và đào tạo trình độ sau đại học cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số phù hợp với chuyên môn, gắn với quy hoạch sử dụng lâu dài.

*b) Hoàn thiện chương trình, tài liệu, đào tạo, bồi dưỡng*

- Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế, Tổng cục Dân số-KHHGĐ và các bộ, ngành liên quan. Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chương trình, tài liệu bồi dưỡng về dân số và phát triển cho đội ngũ viên chức làm công tác dân số, nhân viên y tế- dân số và các cán bộ làm công tác dân số ở các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể.

- Phối hợp xây dựng chương trình bồi dưỡng chuyên môn đủ chuẩn theo vị trí việc làm về dân số.

*c) Nâng cao năng lực các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng về dân số*

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng: Nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng về dân số và phát triển của các cơ sở đào tạo bồi dưỡng hiện có ở địa phương. Tăng cường phối hợp với Trường Chính trị, Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự và các cơ sở đào tạo khác trong công tác đào tạo, bồi dưỡng về dân số và phát triển.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên: Xây dựng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên có chất lượng cao trên cơ sở nguồn cán bộ giàu kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn, làm tốt công tác dân số hiện có để đáp ứng nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số và nhân viên y tế - dân số.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng về dân số và phát triển đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

**4. Huy động nguồn lực**

Ngân sách nhà nước là chủ lực; vận động các nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân đặc biệt trong ứng dụng khai thác dữ liệu, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hợp tác kỹ thuật, chuyển giao công nghệ. Huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số các cấp tham gia thực hiện kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hàng năm UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố bố trí ngân sách theo phân cấp để triển khai thực hiện Kế hoạch.

Đa dạng hóa nguồn lực thực hiện Kế hoạch, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình liên quan và các nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

**V. DỰ KIẾN KINH PHÍ**

**1. Nhu cầu kinh phí:**

a) Ngân sách Trung ương (nếu có).

b) Ngân sách địa phương:

+ Ngân sách cấp tỉnh: Bố trí cho các hoạt động theo Kế hoạch tại cấp tỉnh: 5.180.000.000 đồng *(Năm tỷ một trăm tám mươi triệu đồng).*

*(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).*

+ Ngân sách cấp huyện: Bố trí cho các hoạt động theo Kế hoạch tại cấp huyện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

*+* Ngân sách cấp xã *(nếu có)*

c) Ngoài ra kinh phí từ các nguồn tài trợ, viện trợ và xã hội hoá.

**2. Nguồn kinh phí:**

a) Ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành, hàng năm được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị y tế - dân số và các cơ quan, đơn vị khác được giao nhiệm vụ.

b) Nguồn vốn viện trợ, tài trợ và xã hội hóa được sử dụng có hiệu quả theo đề xuất của nhà tài trợ và yêu cầu thực tế của địa phương, đơn vị.

c) Nguồn hỗ trợ hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân, các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn tỉnh.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Y tế

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; là đầu mối tổ chức và điều phối hoạt động để triển khai thống nhất Kế hoạch trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra, giám sát, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Bộ Y tế và UBND tỉnh theo quy định.

b) Chủ động xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài tỉnh tổ chức các khóa học cho cán bộ, công chức, viên chức và người làm công tác dân số trong tỉnh. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong ngành quan tâm thường xuyên tổ chức bồi dưỡng tập huấn nâng cao năng lực cán bộ y tế, dân số các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và mục tiêu Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính cân đối nguồn ngân sách đảm bảo chi cho các nội dung hoạt động của Kế hoạch; lồng ghép các nguồn lực của các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với Chương trình dân số.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc xây dựng kế hoạch tài chính theo phân cấp ngân sách cấp tỉnh, huyện hàng năm để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí thực hiện theo các quy định hiện hành.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Sở Y tế bổ sung nội dung đào tạo về dân số và phát triển cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Cục Thống kê: Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên môn về chia sẻ, kết nối kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu các ngành liên quan.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên môn về chia sẻ, kết nối kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu các ngành liên quan; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông của tỉnh tuyên truyền nâng cao nhận thức chung về cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số.

7. Công an tỉnh, Sở Tư Pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp với Sở Y tế chia sẻ, kết nối với kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số theo hướng dẫn chuyên môn của ngành dọc cấp trên.

8. Các sở, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế tham gia thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ đã được giao; chia sẻ, kết nối thông tin với kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách cấp huyện để triển khai thực hiện các hoạt động tại địa phương như: Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ dân số cơ sở; đầu tư trang thiết bị, máy tính bảo đảm việc xây dựng kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số tuyến huyện, xã,…; đẩy mạnh xã hội hóa thực hiện các hoạt động của Kế hoạch tại địa phương.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị y tế trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện; lồng ghép các hoạt động của Kế hoạch với các chương trình, đề án khác trên địa bàn; đồng thời đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch. Báo cáo sơ kết vào năm 2025 và báo cáo tổng kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2030 gửi về Sở Y tế để theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế.

c) Sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số phù hợp trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

10. Đề nghị Ủy ban MTTQ tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và Tỉnh Đoàn thanh niên trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia triển khai và giám sát thực hiện kế hoạch này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Bộ Y tế; - Tổng cục Dân số - KHHGĐ; - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; - Uỷ ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh; - Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; - UBND các huyện, thành phố; - VP UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH, KT, NC. - Lưu: VT, KGVX. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Mai Sơn** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Phụ lục** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN NĂM 2022 - 2030 CẤP TỈNH** | | | | | | | | | | | |
| *(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày …../…../2021 của UBND tỉnh Bắc Giang)* | | | | | | | | | | | |
|  | | |  |  |  |  |  |  | *Đơn vị tính: nghìn đồng* | | |
| **STT** | **Nội dung** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Năm 2024** | **Năm 2025** | **Năm 2026** | **Năm 2027** | **Năm 2028** | **Năm 2029** | **Năm 2030** | **Giai đoạn 2022 -2030** |
|
| **I** | **Trang bị kho dữ liệu chuyên ngành dân số** | **445.500** | **810.000** | **850.500** | **850.500** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **2.956.500** |
| 1 | Mua máy tính để bàn phục vụ cập nhật thông tin biến động dân số và xây dựng kho dữ liệu điện tử tại 100% xã, phường, thị trấn | 445.500 | 810.000 | 850.500 | 850.500 | - | - | - | - | - | **2.956.500** |
| **II** | **Tăng cường hoạt động đào tạo bồi dưỡng về dân số và phát triển** | **450.000** | **145.000** | **145.000** | **145.500** | **450.000** | **145.000** | **145.000** | **145.000** | **453.000** | **2.223.500** |
| 1 | Hội nghị triển khai cung cấp thông tin về dân số và phát triển cho lãnh đạo đơn vị y tế tuyến huyện; trưởng ban dân số và lãnh đạo Trạm Y tế cấp xã . | **62.000** | **-** | **-** | **-** | **62.000** | **-** | **-** | **-** | **65.000** | **189.000** |
| 2 | Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, thống kê chuyên ngành dân số cho 100% viên chức dân số cấp huyện, xã và nhân viên y tế - dân số khi thay đổi sổ hộ gia đình | **388.000** | **-** | **-** | **-** | **388.000** | **-** | **-** | **-** | **388.000** | **1.164.000** |
| 3 | Tập huấn, bồi dưỡng cho 30% viên chức dân số cấp xã và nhân viên y tế - dân số mới và yếu | **-** | **145.000** | **145.000** | **145.500** | **-** | **145.000** | **145.000** | **144.200** | **-** | **869.700** |
|  | **Tổng cộng (I + II):** | **895.500** | **955.000** | **995.500** | **996.000** | **450.000** | **145.000** | **145.000** | **145.000** | **453.000** | **5.180.000** |